ٱلَّذِينَ جَعَلُوا۟ ٱلْقُرْءَانَ عِضِينَ ﴿٩١﴾ فَوَرَبِّكَ لَنَسْـَٔلَنَّهُمْ
أَجْمَعِينَ ﴿٩٢﴾ عَمَّا كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿٩٣﴾ فَٱصْدَعْ بِمَا تُؤْمَرُ وَأَعْرِضْ
عَنِ ٱلْمُشْرِكِينَ ﴿٩٤﴾ إِنَّا كَفَيْنَٰكَ ٱلْمُسْتَهْزِءِينَ ﴿٩٥﴾ ٱلَّذِينَ
يَجْعَلُونَ مَعَ ٱللَّهِ إِلَٰهًا ءَاخَرَ ۚ فَسَوْفَ يَعْلَمُونَ ﴿٩٦﴾ وَلَقَدْ نَعْلَمُ
أَنَّكَ يَضِيقُ صَدْرُكَ بِمَا يَقُولُونَ ﴿٩٧﴾ فَسَبِّحْ بِحَمْدِ رَبِّكَ وَكُن
مِّنَ ٱلسَّٰجِدِينَ ﴿٩٨﴾ وَٱعْبُدْ رَبَّكَ حَتَّىٰ يَأْتِيَكَ ٱلْيَقِينُ ﴿٩٩﴾

سُورَةُ النَّحلِ

بِسْمِ ٱللَّهِ ٱلرَّحْمَٰنِ ٱلرَّحِيمِ

أَتَىٰٓ أَمْرُ ٱللَّهِ فَلَا تَسْتَعْجِلُوهُ ۚ سُبْحَٰنَهُۥ وَتَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشْرِكُونَ
﴿١﴾ يُنَزِّلُ ٱلْمَلَٰٓئِكَةَ بِٱلرُّوحِ مِنْ أَمْرِهِۦ عَلَىٰ مَن يَشَآءُ مِنْ
عِبَادِهِۦٓ أَنْ أَنذِرُوٓا۟ أَنَّهُۥ لَآ إِلَٰهَ إِلَّآ أَنَا۠ فَٱتَّقُونِ ﴿٢﴾ خَلَقَ
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضَ بِٱلْحَقِّ ۚ تَعَٰلَىٰ عَمَّا يُشْرِكُونَ ﴿٣﴾ خَلَقَ
ٱلْإِنسَٰنَ مِن نُّطْفَةٍ فَإِذَا هُوَ خَصِيمٌ مُّبِينٌ ﴿٤﴾ وَٱلْأَنْعَٰمَ
خَلَقَهَا ۗ لَكُمْ فِيهَا دِفْءٌ وَمَنَٰفِعُ وَمِنْهَا تَأْكُلُونَ
﴿٥﴾ وَلَكُمْ فِيهَا جَمَالٌ حِينَ تُرِيحُونَ وَحِينَ تَسْرَحُونَ ﴿٦﴾

نصف الحزب ٢٧

91.- Những ai đã chia mảnh quyển *Qur'ān*.

92.- Bởi thế, nhân danh *Rabb* của Ngươi, *TA* sẽ hạch hỏi tất cả bọn chúng.

93.- Về công việc mà chúng đã từng làm.

94.- Do đó, hãy công bố những điều mà Ngươi đã được chỉ thị và hãy lánh xa những kẻ tôn thờ đa thần.

95.- Quả thật, *TA* đủ giúp Ngươi chống lại những kẻ nhạo báng:

96.- Những ai dựng một thần linh cùng với Allah; và rồi đây chúng sẽ sớm biết.

97.- Và quả thật, *TA* biết lòng Ngươi se lại vì những điều chúng đã nói;

98.- Nhưng hãy tán dương lời ca tụng *Rabb* của Ngươi và trở thành một người phủ phục (Allah).

99.- Và hãy thờ phụng Rabb của Ngươi cho đến khi điều khẳng định sẽ xảy đến cho Ngươi.

AN-NAHL
(Ong Mật)

Nhân danh Allah, Đấng Rất Mực Độ Lượng, Đấng Rất Mực Khoan Dung

1.- Allah sắp ban hành mệnh lệnh. Bởi thế, các người chớ giục cho mau đến. Quang vinh và trong sạch thay Ngài! Ngài Tối Cao, vượt khỏi những điều chúng tổ-hợp (với Ngài).

2.- Ngài phái các Thiên thần xuống (trần) theo Mệnh lệnh của Ngài mang sự Mặc khải đến cho người nào mà Ngài muốn trong số bầy tôi của Ngài (và bảo:) "Hãy cảnh cáo (loài người) rằng không có Thượng Đế nào khác cả duy chỉ có TA, bởi thế hãy sợ TA"

3.- Vì Chân lý, Ngài đã tạo các tầng trời và trái đất. Ngài Tối Cao, vượt khỏi những điều chúng tổ-hợp (với Ngài).

4.- Ngài đã tạo con người từ một giọt tinh dịch nhưng y lại là một đối thủ công khai (chống lại Ngài).

5.- Và gia súc. Ngài đã tạo chúng cho các người (sử dụng). Nơi chúng có các vật dụng phủ ấm và nhiều nguồn lợi khác. Chẳng hạn thịt của chúng các người (dùng để) ăn.

6.- Và nơi chúng có một vẽ đẹp cho các người khi các người lùa chúng về chuồng vào buổi chiều và đánh chúng ra đồng ăn cỏ vào buổi sáng.

وَتَحۡمِلُ أَثۡقَالَكُمۡ إِلَىٰ بَلَدٖ لَّمۡ تَكُونُواْ بَٰلِغِيهِ إِلَّا بِشِقِّ
ٱلۡأَنفُسِۚ إِنَّ رَبَّكُمۡ لَرَءُوفٞ رَّحِيمٞ ٧ وَٱلۡخَيۡلَ وَٱلۡبِغَالَ
وَٱلۡحَمِيرَ لِتَرۡكَبُوهَا وَزِينَةٗۚ وَيَخۡلُقُ مَا لَا تَعۡلَمُونَ ٨
وَعَلَى ٱللَّهِ قَصۡدُ ٱلسَّبِيلِ وَمِنۡهَا جَآئِرٞۚ وَلَوۡ شَآءَ لَهَدَىٰكُمۡ
أَجۡمَعِينَ ٩ هُوَ ٱلَّذِيٓ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءٗ لَّكُم
مِّنۡهُ شَرَابٞ وَمِنۡهُ شَجَرٞ فِيهِ تُسِيمُونَ ١٠ يُنۢبِتُ لَكُم
بِهِ ٱلزَّرۡعَ وَٱلزَّيۡتُونَ وَٱلنَّخِيلَ وَٱلۡأَعۡنَٰبَ وَمِن كُلِّ
ٱلثَّمَرَٰتِۗ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّقَوۡمٖ يَتَفَكَّرُونَ
١١ وَسَخَّرَ لَكُمُ ٱلَّيۡلَ وَٱلنَّهَارَ وَٱلشَّمۡسَ وَٱلۡقَمَرَۖ
وَٱلنُّجُومُ مُسَخَّرَٰتُۢ بِأَمۡرِهِۦٓۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَٰتٖ لِّقَوۡمٖ
يَعۡقِلُونَ ١٢ وَمَا ذَرَأَ لَكُمۡ فِي ٱلۡأَرۡضِ مُخۡتَلِفًا
أَلۡوَٰنُهُۥٓۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأٓيَةٗ لِّقَوۡمٖ يَذَّكَّرُونَ ١٣
وَهُوَ ٱلَّذِي سَخَّرَ ٱلۡبَحۡرَ لِتَأۡكُلُواْ مِنۡهُ لَحۡمٗا طَرِيّٗا
وَتَسۡتَخۡرِجُواْ مِنۡهُ حِلۡيَةٗ تَلۡبَسُونَهَاۖ وَتَرَى ٱلۡفُلۡكَ مَوَاخِرَ
فِيهِ وَلِتَبۡتَغُواْ مِن فَضۡلِهِۦ وَلَعَلَّكُمۡ تَشۡكُرُونَ ١٤

7.- Và chúng chuyên chở hàng nặng cho các người đến các thành phố (xa xôi), những nơi mà các người phải vất vả lắm mới có thể đến nơi đặng. Chắc chắn *Rabb* của các người là Đấng Rất mực Nhân từ, Rất mực Khoan dung.

8.- Và loài ngựa, loài la và lừa mà (Ngài đã tạo) cho các người để cưỡi và trang trí. Và Ngài đã tạo những vật mà các người không biết.

9.- Và Allah có nhiệm vụ chỉ con đường ngay chính (cho mọi người) nhưng có những con đường lệch khỏi chính đạo; và nếu muốn, Ngài thừa sức hướng dẫn tất cả đi đúng đường.

10.- Ngài là Đấng đã ban nước mưa từ trên trời xuống. Từ đó các người có nước uống, và nhờ đó cây cỏ mọc ra nơi cánh đồng cho gia súc ăn.

11.- Ngài dùng nó để làm mọc ra hoa mầu, và trái ô-liu, và trái chà-là, và trái nho, và đủ loại trái cây cho các người dùng. Chắc chắn trong sự việc đó là một Dấu-hiệu cho một đám người biết ngẫm nghĩ.

12.- Và Ngài đã chế ngự ban đêm và ban ngày, mặt trời và mặt trăng và các ngôi sao cho các người theo Mệnh lệnh của Ngài; chắc chắn trong sự việc đó là những Dấu-hiệu cho một đám người thấu-hiểu.

13.- Và những vật trên đất liền mà Ngài đã làm ra dồi-dào cho các người (sử dụng) mang nhiều mầu sắc (và phẩm chất) khác biệt. Chắc chắn trong sự việc này là một Dấu-hiệu cho một đám người ghi nhớ.

14.- Và Ngài đã chế ngự biển cả mà các người có các món thịt tươi để ăn và các món trang sức để đeo. Và ngươi (hỡi người!) thấy tàu bè cày sóng (vượt trùng dương) giúp các người đi tìm thiên lộc của Ngài và để cho các người tạ ơn.

وَأَلْقَىٰ فِي ٱلْأَرْضِ رَوَٰسِيَ أَن تَمِيدَ بِكُمْ وَأَنْهَٰرًا وَسُبُلًا
لَّعَلَّكُمْ تَهْتَدُونَ ﴿١٥﴾ وَعَلَٰمَٰتٍ ۚ وَبِٱلنَّجْمِ هُمْ يَهْتَدُونَ
﴿١٦﴾ أَفَمَن يَخْلُقُ كَمَن لَّا يَخْلُقُ ۗ أَفَلَا تَذَكَّرُونَ ﴿١٧﴾ وَإِن
تَعُدُّوا۟ نِعْمَةَ ٱللَّهِ لَا تُحْصُوهَآ ۗ إِنَّ ٱللَّهَ لَغَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿١٨﴾
وَٱللَّهُ يَعْلَمُ مَا تُسِرُّونَ وَمَا تُعْلِنُونَ ﴿١٩﴾ وَٱلَّذِينَ يَدْعُونَ
مِن دُونِ ٱللَّهِ لَا يَخْلُقُونَ شَيْـًٔا وَهُمْ يُخْلَقُونَ ﴿٢٠﴾ أَمْوَٰتٌ
غَيْرُ أَحْيَآءٍ ۖ وَمَا يَشْعُرُونَ أَيَّانَ يُبْعَثُونَ ﴿٢١﴾ إِلَٰهُكُمْ إِلَٰهٌ
وَٰحِدٌ ۚ فَٱلَّذِينَ لَا يُؤْمِنُونَ بِٱلْءَاخِرَةِ قُلُوبُهُم مُّنكِرَةٌ وَهُم
مُّسْتَكْبِرُونَ ﴿٢٢﴾ لَا جَرَمَ أَنَّ ٱللَّهَ يَعْلَمُ مَا يُسِرُّونَ وَمَا
يُعْلِنُونَ ۚ إِنَّهُۥ لَا يُحِبُّ ٱلْمُسْتَكْبِرِينَ ﴿٢٣﴾ وَإِذَا قِيلَ لَهُم
مَّاذَآ أَنزَلَ رَبُّكُمْ قَالُوٓا۟ أَسَٰطِيرُ ٱلْأَوَّلِينَ ﴿٢٤﴾ لِيَحْمِلُوٓا۟
أَوْزَارَهُمْ كَامِلَةً يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ ۙ وَمِنْ أَوْزَارِ ٱلَّذِينَ يُضِلُّونَهُم
بِغَيْرِ عِلْمٍ ۗ أَلَا سَآءَ مَا يَزِرُونَ ﴿٢٥﴾ قَدْ مَكَرَ ٱلَّذِينَ مِن قَبْلِهِمْ
فَأَتَى ٱللَّهُ بُنْيَٰنَهُم مِّنَ ٱلْقَوَاعِدِ فَخَرَّ عَلَيْهِمُ ٱلسَّقْفُ
مِن فَوْقِهِمْ وَأَتَىٰهُمُ ٱلْعَذَابُ مِنْ حَيْثُ لَا يَشْعُرُونَ ﴿٢٦﴾

15.- Và Ngài đã đặt những quả núi vững chắc lên trên mặt đất (giữ nó thăng bằng) sợ rằng nó rung chuyển (chòng chành) với các người; và (Ngài đã tạo) sông ngòi và đường sá để các người đi đúng hướng.

16.- Và (Ngài đã tạo) những cảnh giới (để làm dấu). Và nhờ các ngôi sao (trên trời) mà họ (nhân loại) định được hướng đi (đúng mục tiêu).

17.- Thế phải chăng Đấng tạo hóa bằng với kẻ không tạo hay sao? Thế các người không chịu tỉnh ngộ hay sao?

18.- Và nếu có đếm các Ân huệ của Allah, thì các người không thể đếm xiết. Quả thật, Allah Hằng Tha thứ, Rất mực Khoan dung.

19.- Và Allah biết điều các người giấu-giếm và tiết lộ.

20.- Và những kẻ (thần linh) mà họ cầu nguyện ngoài Allah đã không tạo hóa được cái gì trong lúc chính chúng lại được tạo ra.

21.- (Đó là những vật) chết chứ không sống. Chúng cũng không biết khi nào chúng sẽ được dựng sống lại.

22.- Thượng Đế của các người là một Thượng Đế Duy nhất. Bởi thế, những ai không tin tưởng nơi Đời Sau, thì lòng họ ương-ngạnh và kiêu-căng.

23.- Không một chút nghi ngờ nào, chắc chắn Allah biết rõ điều họ giấu giếm và bộc lộ. Quả thật, Ngài không yêu thương những kẻ tự phụ, kiêu-căng.

24.- Và khi có lời bảo họ: "Điều mà *Rabb* của các người đã ban xuống (cho Muhammad) là gì vậy?" Họ (mỉa mai) đáp: "Chuyện ngụ ngôn của người cổ xưa!"

25.- (Kết quả) là họ sẽ mang trọn gánh nặng (tội lỗi) của họ vào Ngày Phục sinh và luôn cả gánh nặng của những ai vì thiếu hiểu biết mà đã bị họ dắt đi lạc. Thật xấu xa thay gánh nặng họ sẽ phải mang.

26.- Chắc chắn trước họ đã có những kẻ âm mưu (phá hoại Chính đạo của Allah) nhưng Allah đến phá vỡ nền móng kiến trúc của chúng làm cho mái nhà từ bên trên đổ sụp xuống đè lên chúng và hình phạt đến bắt chúng từ những nơi mà chúng không hề nhận ra.

ثُمَّ يَوۡمَ ٱلۡقِيَٰمَةِ يُخۡزِيهِمۡ وَيَقُولُ أَيۡنَ شُرَكَآءِيَ ٱلَّذِينَ
كُنتُمۡ تُشَٰٓقُّونَ فِيهِمۡۚ قَالَ ٱلَّذِينَ أُوتُواْ ٱلۡعِلۡمَ إِنَّ ٱلۡخِزۡيَ
ٱلۡيَوۡمَ وَٱلسُّوٓءَ عَلَى ٱلۡكَٰفِرِينَ ٢٧ ٱلَّذِينَ تَتَوَفَّىٰهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ
ظَالِمِيٓ أَنفُسِهِمۡۖ فَأَلۡقَوُاْ ٱلسَّلَمَ مَا كُنَّا نَعۡمَلُ مِن سُوٓءِۭۚ بَلَىٰٓ
إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمُۢ بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٢٨ فَٱدۡخُلُوٓاْ أَبۡوَٰبَ جَهَنَّمَ
خَٰلِدِينَ فِيهَاۖ فَلَبِئۡسَ مَثۡوَى ٱلۡمُتَكَبِّرِينَ ٢٩ ۞ وَقِيلَ
لِلَّذِينَ ٱتَّقَوۡاْ مَاذَآ أَنزَلَ رَبُّكُمۡۚ قَالُواْ خَيۡرٗاۗ لِّلَّذِينَ أَحۡسَنُواْ فِي
هَٰذِهِ ٱلدُّنۡيَا حَسَنَةٞۚ وَلَدَارُ ٱلۡأٓخِرَةِ خَيۡرٞۚ وَلَنِعۡمَ دَارُ ٱلۡمُتَّقِينَ
٣٠ جَنَّٰتُ عَدۡنٖ يَدۡخُلُونَهَا تَجۡرِي مِن تَحۡتِهَا ٱلۡأَنۡهَٰرُۖ
لَهُمۡ فِيهَا مَا يَشَآءُونَۚ كَذَٰلِكَ يَجۡزِي ٱللَّهُ ٱلۡمُتَّقِينَ ٣١
ٱلَّذِينَ تَتَوَفَّىٰهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ طَيِّبِينَ يَقُولُونَ سَلَٰمٌ عَلَيۡكُمُ
ٱدۡخُلُواْ ٱلۡجَنَّةَ بِمَا كُنتُمۡ تَعۡمَلُونَ ٣٢ هَلۡ يَنظُرُونَ إِلَّآ أَن
تَأۡتِيَهُمُ ٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ أَوۡ يَأۡتِيَ أَمۡرُ رَبِّكَۚ كَذَٰلِكَ فَعَلَ ٱلَّذِينَ مِن
قَبۡلِهِمۡۚ وَمَا ظَلَمَهُمُ ٱللَّهُ وَلَٰكِن كَانُوٓاْ أَنفُسَهُمۡ يَظۡلِمُونَ ٣٣
فَأَصَابَهُمۡ سَيِّـَٔاتُ مَا عَمِلُواْ وَحَاقَ بِهِم مَّا كَانُواْ بِهِۦ يَسۡتَهۡزِءُونَ ٣٤

27.- Rồi vào Ngày Phục sinh, Ngài sẽ hạ nhục chúng và bảo: "Đâu là những kẻ 'hợp-tác' của TA, những kẻ vì chúng mà các người thường tranh chấp (với các tín đồ của TA)?" Những ai được ban cho kiến thức sẽ lên tiếng: "Ngày nay những kẻ không có đức tin chắc chắn sẽ bị hạ nhục và chịu họa,

28.- Những ai mà các Thiên thần bắt hồn trong lúc chúng tự làm hại bản thân (linh hồn) mình." Rồi chúng (giả vờ) chịu thần phục, (thưa): "Thật tình chúng tôi đã không làm điều gì tội lỗi." (Thiên thần sẽ bảo:) "Vâng, quả thật Allah biết rõ điều các người đã từng làm.

29.- "Thôi, hãy bước vào các cửa ngõ của Hỏa ngục để vào ở trong đó. Bởi thế, chỗ ngụ của những kẻ kiêu căng thật là xấu xa."

30.- Và có lời bảo những ai sợ Allah (như sau:) "Điều mà *Rabb* (Allah) của các người đã ban xuống là gì?" Họ đáp: "Điều tốt." Dành cho những ai làm điều lành ở đời này thì sẽ gặp lành. Và nhà ở (của họ) ở Đời sau sẽ tốt hơn nữa. Và chắc chắn nhà ở của những người sợ Allah sẽ tuyệt hảo:!

31.- Những Ngôi vườn Thiên đàng Vĩnh cửu mà họ sẽ bước vào, với các dòng sông chảy bên dưới. Trong đó họ sẽ được tất cả các thứ mong ước. Allah sẽ tưởng thưởng những ai ngay chính sợ Allah đúng như thế;

32.- Những ai mà các Thiên thần bắt hồn trong tình trạng tốt sạch, (thiên thần) chúc họ: "Mong quí vị được bằng an. Xin mời quí vị bước vào Thiên đàng do những điều (tốt) mà quí vị đã từng làm (trên thế gian)."

33.- Phải chăng chúng (những kẻ không tin) chờ các Thiên thần đến (bắt hồn) hay chờ Lệnh phán của *Rabb* (Allah) của Ngươi (Muhammad) đến (xử lý) chúng? Những kẻ trước chúng cũng đã xử sự đúng như thế. Và Allah đã không làm hại chúng mà chính chúng tự làm hại bản thân (linh hồn) mình mà thôi.

34.- Bởi thế, những điều tội lỗi mà chúng đã từng làm sẽ đến chụp bắt chúng và những điều mà chúng đã từng chế giễu sẽ vây hãm chúng trở lại.

وَقَالَ ٱلَّذِينَ أَشۡرَكُواْ لَوۡ شَآءَ ٱللَّهُ مَا عَبَدۡنَا مِن دُونِهِۦ مِن
شَيۡءٖ نَّحۡنُ وَلَآ ءَابَآؤُنَا وَلَا حَرَّمۡنَا مِن دُونِهِۦ مِن شَيۡءٖۚ كَذَٰلِكَ
فَعَلَ ٱلَّذِينَ مِن قَبۡلِهِمۡۚ فَهَلۡ عَلَى ٱلرُّسُلِ إِلَّا ٱلۡبَلَٰغُ ٱلۡمُبِينُ
٣٥ وَلَقَدۡ بَعَثۡنَا فِي كُلِّ أُمَّةٖ رَّسُولًا أَنِ ٱعۡبُدُواْ ٱللَّهَ
وَٱجۡتَنِبُواْ ٱلطَّٰغُوتَۖ فَمِنۡهُم مَّنۡ هَدَى ٱللَّهُ وَمِنۡهُم مَّنۡ
حَقَّتۡ عَلَيۡهِ ٱلضَّلَٰلَةُۚ فَسِيرُواْ فِي ٱلۡأَرۡضِ فَٱنظُرُواْ كَيۡفَ
كَانَ عَٰقِبَةُ ٱلۡمُكَذِّبِينَ ٣٦ إِن تَحۡرِصۡ عَلَىٰ هُدَىٰهُمۡ
فَإِنَّ ٱللَّهَ لَا يَهۡدِي مَن يُضِلُّۖ وَمَا لَهُم مِّن نَّٰصِرِينَ ٣٧
وَأَقۡسَمُواْ بِٱللَّهِ جَهۡدَ أَيۡمَٰنِهِمۡ لَا يَبۡعَثُ ٱللَّهُ مَن يَمُوتُۚ بَلَىٰ
وَعۡدًا عَلَيۡهِ حَقّٗا وَلَٰكِنَّ أَكۡثَرَ ٱلنَّاسِ لَا يَعۡلَمُونَ ٣٨
لِيُبَيِّنَ لَهُمُ ٱلَّذِي يَخۡتَلِفُونَ فِيهِ وَلِيَعۡلَمَ ٱلَّذِينَ كَفَرُوٓاْ
أَنَّهُمۡ كَانُواْ كَٰذِبِينَ ٣٩ إِنَّمَا قَوۡلُنَا لِشَيۡءٍ إِذَآ أَرَدۡنَٰهُ أَن نَّقُولَ
لَهُۥ كُن فَيَكُونُ ٤٠ وَٱلَّذِينَ هَاجَرُواْ فِي ٱللَّهِ مِنۢ بَعۡدِ مَا ظُلِمُواْ
لَنُبَوِّئَنَّهُمۡ فِي ٱلدُّنۡيَا حَسَنَةٗۖ وَلَأَجۡرُ ٱلۡأٓخِرَةِ أَكۡبَرُۚ لَوۡ كَانُواْ
يَعۡلَمُونَ ٤١ ٱلَّذِينَ صَبَرُواْ وَعَلَىٰ رَبِّهِمۡ يَتَوَكَّلُونَ ٤٢

35.- Và những kẻ tôn thờ đa thần lên tiếng: "Nếu Allah muốn, chúng tôi lẫn cha mẹ của chúng tôi đâu có tôn thờ bất cứ thứ gì ngoài Ngài, và chúng tôi đã không cấm cản bất cứ điều gì ngoài điều mà Ngài đã cấm." Những kẻ trước chúng cũng đã làm đúng như thế. Vậy phải chăng nhiệm vụ của những Sứ giả (của Allah) chỉ là công khai truyền đạt (Thông Điệp của Allah)?

36.- Và chắc chắn *TA* đã cử một Sứ giả đến cho mỗi cộng đồng (với Mệnh lệnh): "Hãy thờ phụng Allah và tránh xa Tà thần. Bởi thế, trong họ có kẻ được Allah hướng dẫn và có kẻ không tránh khỏi đi lạc. Do đó, hãy đi du lịch trên trái đất để quan sát kết cuộc của những kẻ đã phủ nhận sự Thật xẩy ra như thế nào.

37.- Nếu Ngươi (Muhammad) muốn hướng dẫn họ thì quả thật Allah không hướng dẫn ai mà Ngài đánh lạc hướng. Và họ sẽ không được ai giúp đỡ.

38.- Và họ thề nhân danh Allah bằng những lời thề nghiêm trọng nhất, rằng Allah sẽ không phục sinh ai đã chết. Vâng, (Allah sẽ phục sinh y), một lời hứa mà Ngài bắt buộc phải thi hành, nhưng đa số nhân-loại không biết.

39.- (Allah sẽ phục sinh người chết) để Ngài chứng minh cho họ thấy sự thật về điều mà họ đã từng bất đồng ý kiến và để cho những kẻ không tin tưởng biết chính họ mới là những kẻ nói dối.

40.- Quả thật, Lời phán của *TA* đối với một vật mà *TA* muốn nó thành hình, thì chỉ bảo với nó: "Hãy Thành!" - thì nó sẽ thành hình.

41.- Và những ai đã vì Allah mà di cư đi tị nạn sau khi bị đối xử bất công, thì chắc chắn sẽ được *TA* cho định cư tại một nơi tốt đẹp trên thế gian và phần thưởng dành cho họ ở Đời sau sẽ lớn hơn nữa nếu họ biết (điều đó):

42.- Những ai kiên nhẫn và phó thác (công việc của họ) cho *Rabb* (Allah) của họ.

وَمَآ أَرۡسَلۡنَا مِن قَبۡلِكَ إِلَّا رِجَالٗا نُّوحِيٓ إِلَيۡهِمۡۖ فَسۡـَٔلُوٓاْ أَهۡلَ
ٱلذِّكۡرِ إِن كُنتُمۡ لَا تَعۡلَمُونَ ﴿٤٣﴾ بِٱلۡبَيِّنَٰتِ وَٱلزُّبُرِۗ وَأَنزَلۡنَآ إِلَيۡكَ
ٱلذِّكۡرَ لِتُبَيِّنَ لِلنَّاسِ مَا نُزِّلَ إِلَيۡهِمۡ وَلَعَلَّهُمۡ يَتَفَكَّرُونَ ﴿٤٤﴾
أَفَأَمِنَ ٱلَّذِينَ مَكَرُواْ ٱلسَّيِّـَٔاتِ أَن يَخۡسِفَ ٱللَّهُ بِهِمُ ٱلۡأَرۡضَ
أَوۡ يَأۡتِيَهُمُ ٱلۡعَذَابُ مِنۡ حَيۡثُ لَا يَشۡعُرُونَ ﴿٤٥﴾ أَوۡ يَأۡخُذَهُمۡ
فِي تَقَلُّبِهِمۡ فَمَا هُم بِمُعۡجِزِينَ ﴿٤٦﴾ أَوۡ يَأۡخُذَهُمۡ عَلَىٰ تَخَوُّفٖ فَإِنَّ
رَبَّكُمۡ لَرَءُوفٞ رَّحِيمٌ ﴿٤٧﴾ أَوَلَمۡ يَرَوۡاْ إِلَىٰ مَا خَلَقَ ٱللَّهُ مِن شَيۡءٖ
يَتَفَيَّؤُاْ ظِلَٰلُهُۥ عَنِ ٱلۡيَمِينِ وَٱلشَّمَآئِلِ سُجَّدٗا لِّلَّهِ وَهُمۡ دَٰخِرُونَ
﴿٤٨﴾ وَلِلَّهِ يَسۡجُدُ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَمَا فِي ٱلۡأَرۡضِ مِن دَآبَّةٖ
وَٱلۡمَلَٰٓئِكَةُ وَهُمۡ لَا يَسۡتَكۡبِرُونَ ﴿٤٩﴾ يَخَافُونَ رَبَّهُم مِّن فَوۡقِهِمۡ
وَيَفۡعَلُونَ مَا يُؤۡمَرُونَ ﴿٥٠﴾ ۞ وَقَالَ ٱللَّهُ لَا تَتَّخِذُوٓاْ إِلَٰهَيۡنِ
ٱثۡنَيۡنِۖ إِنَّمَا هُوَ إِلَٰهٞ وَٰحِدٞۖ فَإِيَّيَ فَٱرۡهَبُونِ ﴿٥١﴾ وَلَهُۥ مَا فِي ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلۡأَرۡضِ وَلَهُ ٱلدِّينُ وَاصِبًاۚ أَفَغَيۡرَ ٱللَّهِ تَتَّقُونَ ﴿٥٢﴾ وَمَا بِكُم مِّن
نِّعۡمَةٖ فَمِنَ ٱللَّهِۖ ثُمَّ إِذَا مَسَّكُمُ ٱلضُّرُّ فَإِلَيۡهِ تَجۡـَٔرُونَ ﴿٥٣﴾ ثُمَّ إِذَا
كَشَفَ ٱلضُّرَّ عَنكُمۡ إِذَا فَرِيقٞ مِّنكُم بِرَبِّهِمۡ يُشۡرِكُونَ ﴿٥٤﴾

سجدة الحزب ٢٨

43.- Và trước Ngươi (Muhammad), *TA* chỉ cử những người phàm mà *TA* đã mặc khải (Kinh sách) đến làm Sứ giả. Nếu các ngươi không biết (điều này), thì hãy hỏi những người giữ *Zikr*[1].

44.- (Các Sứ giả đến) với những bằng chứng rõ rệt và với Kinh sách. Và *TA* cũng đã ban cho Ngươi *Zikr* (Kinh Qur'ān) để Ngươi giải thích rõ cho mọi người biết về những điều mà *TA* đã ban xuống cho họ và để họ ngẫm nghĩ.

45.- Há những kẻ âm mưu điều tội lỗi cảm thấy an-toàn chăng nếu Allah sẽ làm cho đất nuốt mất họ đi hoặc hình phạt sẽ đến với họ từ đâu đó mà họ không nhận ra?

46.- Hoặc Ngài sẽ trừng phạt họ trong lúc họ đang di chuyển qua lại đến nỗi họ sẽ không tránh khỏi đặng?

47.- Hoặc Ngài sẽ túm bắt họ bằng cách làm cho họ suy giảm từ từ? Nhưng quả thật, *Rabb* (Allah) của Ngươi Rất mực Nhân từ, Rất mực Khoan dung.

48.- Há họ không quan sát vạn vật mà Allah đã tạo, xem bóng của mỗi vật tự động quay sang phải và trái, và quì lạy Allah trong lúc chúng hạ mình khiêm tốn như thế nào ư?

49.- Và bất cứ sinh vật nào trong các tầng trời và dưới đất và cả Thiên thần nữa đều phủ phục Allah và không hề tỏ vẻ kiêu căng.

50.- Chúng sợ *Rabb* (Allah) ở bên trên chúng và làm bất cứ điều gì mà Ngài phán truyền.

51.- Và Allah đã phán: "Chớ tôn thờ hai thần linh. Quả thật, Ngài (Allah) chỉ là một Thượng Đế Duy nhất. Do đó, hãy sợ TA! (riêng TA thôi, hỡi nhân loại!)"

52.- Và bất cứ cái gì trong các tầng trời và dưới đất đều thuộc về Ngài cả; và phục mệnh Ngài trong tôn giáo là điều bắt buộc[2]. Thế các ngươi sợ sệt kẻ khác thay vì Allah ư?

53.- Và bất cứ ân-huệ nào mà các ngươi hưởng thụ đều do Allah ban cho cả. Rồi khi các ngươi gặp hoạn nạn, các ngươi kêu cứu với Ngài.

54.- Rồi, khi Ngài giải cứu các ngươi thoát nạn thì một phần tử trong các ngươi lại tổ hợp những kẻ (hợp-tác) khác cùng với *Rabb* của họ.

---

[1] *Zikr* (kinh sách Taurah và Injīl)

[2] *Wa lahud dīn wāsiba* có nghĩa "Và tôn giáo luôn luôn là của Ngài."

لِيَكۡفُرُواْ بِمَآ ءَاتَيۡنَٰهُمۡۚ فَتَمَتَّعُواْ فَسَوۡفَ تَعۡلَمُونَ ٥٥ وَيَجۡعَلُونَ
لِمَا لَا يَعۡلَمُونَ نَصِيبٗا مِّمَّا رَزَقۡنَٰهُمۡۗ تَٱللَّهِ لَتُسۡـَٔلُنَّ عَمَّا كُنتُمۡ
تَفۡتَرُونَ ٥٦ وَيَجۡعَلُونَ لِلَّهِ ٱلۡبَنَٰتِ سُبۡحَٰنَهُۥ وَلَهُم مَّا يَشۡتَهُونَ
٥٧ وَإِذَا بُشِّرَ أَحَدُهُم بِٱلۡأُنثَىٰ ظَلَّ وَجۡهُهُۥ مُسۡوَدّٗا وَهُوَ كَظِيمٞ ٥٨
يَتَوَٰرَىٰ مِنَ ٱلۡقَوۡمِ مِن سُوٓءِ مَا بُشِّرَ بِهِۦٓۚ أَيُمۡسِكُهُۥ عَلَىٰ هُونٍ
أَمۡ يَدُسُّهُۥ فِي ٱلتُّرَابِۗ أَلَا سَآءَ مَا يَحۡكُمُونَ ٥٩ لِلَّذِينَ لَا يُؤۡمِنُونَ
بِٱلۡأٓخِرَةِ مَثَلُ ٱلسَّوۡءِۖ وَلِلَّهِ ٱلۡمَثَلُ ٱلۡأَعۡلَىٰۚ وَهُوَ ٱلۡعَزِيزُ ٱلۡحَكِيمُ
٦٠ وَلَوۡ يُؤَاخِذُ ٱللَّهُ ٱلنَّاسَ بِظُلۡمِهِم مَّا تَرَكَ عَلَيۡهَا مِن دَآبَّةٖ
وَلَٰكِن يُؤَخِّرُهُمۡ إِلَىٰٓ أَجَلٖ مُّسَمّٗىۖ فَإِذَا جَآءَ أَجَلُهُمۡ لَا يَسۡتَـٔۡخِرُونَ
سَاعَةٗ وَلَا يَسۡتَقۡدِمُونَ ٦١ وَيَجۡعَلُونَ لِلَّهِ مَا يَكۡرَهُونَۖ وَتَصِفُ
أَلۡسِنَتُهُمُ ٱلۡكَذِبَ أَنَّ لَهُمُ ٱلۡحُسۡنَىٰۚ لَا جَرَمَ أَنَّ لَهُمُ ٱلنَّارَ
وَأَنَّهُم مُّفۡرَطُونَ ٦٢ تَٱللَّهِ لَقَدۡ أَرۡسَلۡنَآ إِلَىٰٓ أُمَمٖ مِّن قَبۡلِكَ
فَزَيَّنَ لَهُمُ ٱلشَّيۡطَٰنُ أَعۡمَٰلَهُمۡ فَهُوَ وَلِيُّهُمُ ٱلۡيَوۡمَ وَلَهُمۡ
عَذَابٌ أَلِيمٞ ٦٣ وَمَآ أَنزَلۡنَا عَلَيۡكَ ٱلۡكِتَٰبَ إِلَّا لِتُبَيِّنَ لَهُمُ
ٱلَّذِي ٱخۡتَلَفُواْ فِيهِ وَهُدٗى وَرَحۡمَةٗ لِّقَوۡمٖ يُؤۡمِنُونَ ٦٤

55.- (Mục đích) để họ có thể phủ nhận những Ân huệ mà *TA* đã ban cho. Thế, hãy hưởng thụ đi. Rồi đây, các ngươi sẽ sớm biết (hậu quả).

56.- Và họ trích ra một phần bổng lộc mà *TA* đã ban cấp để dâng cho những kẻ mà họ không biết. Này, nhân danh Allah, chắc chắn các ngươi sẽ bị chất vấn về những điều mà các ngươi đã bịa đặt.

57.- Và họ đặt chuyện (nói) Allah có con gái. Quang vinh và trong sạch thay Ngài! Và những điều mà họ mong muốn chỉ là cho họ mà thôi.

58.- Và khi một người trong bọn nhận được tin tức về một đứa bé gái (vừa mới chào đời), gương mặt của y sa sầm và nỗi lòng buồn rầu vô hạn.

59.- Y nhục nhã lẫn trốn thiên hạ vì hung tín vừa mới nhận. Y phải giữ nó (đứa bé gái) lại trong tủi nhục hay phải chôn sống nó dưới đất? Ôi xót xa thay điều mà y quyết định!

60.- Đối với những ai không tin tưởng nơi Đời sau thì như là một hình ảnh so sánh[1] xấu xa; ngược lại, Allah là một hình ảnh so sánh cao quí. Bởi vì Ngài là Đấng Toàn Năng, Đấng Rất mực Sáng suốt.

61.- Và nếu Allah muốn bắt phạt loài người về tội ác của họ thì Ngài sẽ không để cho một sinh vật nào tồn tại trên trái đất. Nhưng Ngài triển hạn cho họ sống đến một thời kỳ ấn định. Do đó, khi thời hạn đã mãn, thì nhất định họ sẽ không thể nấn ná thêm được một giờ khắc nào, và cũng không thể ra đi sớm hơn giờ khắc ấn định.

62.- Và họ qui cho Allah điều mà chính họ lại không thích và lưỡi của họ thốt ra lời lẽ dối trá, nói rằng cái gì tốt là của họ. Không một chút nghi ngờ nào, chắc chắn Lửa (của Hỏa ngục) là phần dành cho họ và chắc chắn họ sẽ là những kẻ đầu tiên chạy nhanh đến đó trước.

63.- Nhân danh Allah, *TA* đã cử phái (các Sứ giả) đến với những cộng đồng trước thời của Ngươi (Muhammad) nhưng *Shaytān* tô điểm việc làm của họ thành hấp dẫn đối với họ; do đó, ngày nay nó là kẻ đỡ đầu của họ và họ sẽ chịu một sự trừng phạt đau đớn.

64.- Và *TA* đã ban Kinh sách (Qur'ān) xuống cho Ngươi để Ngươi dùng nó mà giải thích cho họ rõ những điều họ bất đồng trong đó; và (Kinh Qur'ān) vừa là một Chỉ-đạo vừa là một Hồng-ân cho một số người có đức tin.

---

[1] *Mathal* là sự so sánh. Ở đây mathal tiêu biểu cho thuộc tính, đặc tính.

وَٱللَّهُ أَنزَلَ مِنَ ٱلسَّمَآءِ مَآءً فَأَحيَا بِهِ ٱلأَرضَ بَعدَ مَوتِهَآ ۚ إِنَّ فِي
ذَٰلِكَ لَأَيَةً لِّقَومٍ يَسمَعُونَ ﴿٦٥﴾ وَإِنَّ لَكُم فِي ٱلأَنعَٰمِ لَعِبرَةً ۖ نُّسقِيكُم
مِّمَّا فِي بُطُونِهِۦ مِنۢ بَينِ فَرثٍ وَدَمٍ لَّبَنًا خَالِصًا سَآئِغًا لِّلشَّٰرِبِينَ
﴿٦٦﴾ وَمِن ثَمَرَٰتِ ٱلنَّخِيلِ وَٱلأَعنَٰبِ تَتَّخِذُونَ مِنهُ سَكَرًا وَرِزقًا
حَسَنًا ۚ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأَيَةً لِّقَومٍ يَعقِلُونَ ﴿٦٧﴾ وَأَوحَىٰ رَبُّكَ إِلَى ٱلنَّحلِ
أَنِ ٱتَّخِذِي مِنَ ٱلجِبَالِ بُيُوتًا وَمِنَ ٱلشَّجَرِ وَمِمَّا يَعرِشُونَ ﴿٦٨﴾ ثُمَّ
كُلِي مِن كُلِّ ٱلثَّمَرَٰتِ فَٱسلُكِي سُبُلَ رَبِّكِ ذُلُلًا ۚ يَخرُجُ مِن بُطُونِهَا
شَرَابٌ مُّختَلِفٌ أَلوَٰنُهُۥ فِيهِ شِفَآءٌ لِّلنَّاسِ ۗ إِنَّ فِي ذَٰلِكَ لَأَيَةً لِّقَومٍ
يَتَفَكَّرُونَ ﴿٦٩﴾ وَٱللَّهُ خَلَقَكُم ثُمَّ يَتَوَفَّىٰكُم ۗ وَمِنكُم مَّن يُرَدُّ إِلَىٰٓ
أَرذَلِ ٱلعُمُرِ لِكَيلَا يَعلَمَ بَعدَ عِلمٍ شَيـًٔا ۗ إِنَّ ٱللَّهَ عَلِيمٌ قَدِيرٌ ﴿٧٠﴾
وَٱللَّهُ فَضَّلَ بَعضَكُم عَلَىٰ بَعضٍ فِي ٱلرِّزقِ ۚ فَمَا ٱلَّذِينَ فُضِّلُوا
بِرَآدِّي رِزقِهِم عَلَىٰ مَا مَلَكَت أَيمَٰنُهُم فَهُم فِيهِ سَوَآءٌ ۚ أَفَبِنِعمَةِ
ٱللَّهِ يَجحَدُونَ ﴿٧١﴾ وَٱللَّهُ جَعَلَ لَكُم مِّن أَنفُسِكُم أَزوَٰجًا
وَجَعَلَ لَكُم مِّن أَزوَٰجِكُم بَنِينَ وَحَفَدَةً وَرَزَقَكُم مِّنَ
ٱلطَّيِّبَٰتِ ۚ أَفَبِٱلبَٰطِلِ يُؤمِنُونَ وَبِنِعمَتِ ٱللَّهِ هُم يَكفُرُونَ ﴿٧٢﴾

65.- Và Allah đã ban nước mưa từ trên trời xuống mà Ngài dùng để làm hồi sinh đất đai đã chết khô. Chắc chắn trong sự việc đó là một Dấu-hiệu cho một số người biết nghe lời (Allah).

66.- Và quả thật nơi gia súc cũng có một bài học cho các người. *TA* ban cho các người loại thức uống từ chất nằm trong bụng của chúng, giữa phân và máu: sữa tươi tinh khiết và có hương vị làm cho người uống thích thú.

67.- Và (một bài học) từ trái chà-là và trái nho mà các người ép ra chất rượu và có được một loại lương thực tốt. Quả thật, trong sự việc đó là một Dấu-hiệu cho một đám người thông hiểu.

68.- Và *Rabb* (Allah) của Ngươi (Muhammad) đã mặc khải cho ong mật rằng: "Hãy xây tổ (làm nhà) trên núi, và trên cây và trên những vật mà họ (nhân loại) đã dựng lên.

69.- "Và hãy ăn (hút mật) từ mỗi loại trái cây, rồi hãy đi theo các con đường thành-thuộc của *Rabb* của ngươi"; từ trong bụng của chúng tiết ra một loại chất uống có nhiều mầu sắc khác biệt; trong đó chứa một dược-liệu chữa bệnh cho nhân loại. Chắc chắn, trong sự việc đó là một Dấu-hiệu cho một đám người biết ngẫm-nghĩ.

70.- Và Allah đã tạo hóa các người rồi bắt hồn các người. Trong các người, có một số được trả về sống tiếp cho đến hết tuổi già yếu, và trở thành lẩm cẩm đến nỗi không còn biết gì sau khi đã biết nhiều. Quả thật, Allah Toàn Tri, Toàn Lực.

71.- Và Allah đã ưu đãi một số người này hơn một số người khác về bổng lộc. Và những ai được ưu đãi không giao bổng lộc của mình cho những kẻ (nô lệ) nằm dưới tay quản lý của mình hầu làm cho chúng bình đẳng với mình về phương diện này. Phải chăng họ đã phủ nhận những ân-huệ của Allah?

72.- Và Allah đã tạo từ bản thân của các người các người vợ cho các người và từ các bà vợ, đã tạo con cái và cháu chắt cho các người và cung cấp lương thực tốt cho các người. Phải chăng họ tin tưởng nơi điều giả dối và phủ nhận các ân huệ của Allah?

وَيَعْبُدُونَ مِن دُونِ ٱللَّهِ مَا لَا يَمْلِكُ لَهُمْ رِزْقًا مِّنَ ٱلسَّمَٰوَٰتِ
وَٱلْأَرْضِ شَيْـًٔا وَلَا يَسْتَطِيعُونَ ﴿٧٣﴾ فَلَا تَضْرِبُوا۟ لِلَّهِ ٱلْأَمْثَالَ ۚ
إِنَّ ٱللَّهَ يَعْلَمُ وَأَنتُمْ لَا تَعْلَمُونَ ﴿٧٤﴾ * ضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلًا عَبْدًا
مَّمْلُوكًا لَّا يَقْدِرُ عَلَىٰ شَىْءٍ وَمَن رَّزَقْنَٰهُ مِنَّا رِزْقًا حَسَنًا
فَهُوَ يُنفِقُ مِنْهُ سِرًّا وَجَهْرًا ۖ هَلْ يَسْتَوُۥنَ ۚ ٱلْحَمْدُ لِلَّهِ ۚ
بَلْ أَكْثَرُهُمْ لَا يَعْلَمُونَ ﴿٧٥﴾ وَضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلًا رَّجُلَيْنِ
أَحَدُهُمَآ أَبْكَمُ لَا يَقْدِرُ عَلَىٰ شَىْءٍ وَهُوَ كَلٌّ عَلَىٰ مَوْلَىٰهُ
أَيْنَمَا يُوَجِّههُّ لَا يَأْتِ بِخَيْرٍ ۖ هَلْ يَسْتَوِى هُوَ ۙ وَمَن يَأْمُرُ
بِٱلْعَدْلِ وَهُوَ عَلَىٰ صِرَٰطٍ مُّسْتَقِيمٍ ﴿٧٦﴾ وَلِلَّهِ غَيْبُ
ٱلسَّمَٰوَٰتِ وَٱلْأَرْضِ ۚ وَمَآ أَمْرُ ٱلسَّاعَةِ إِلَّا كَلَمْحِ
ٱلْبَصَرِ أَوْ هُوَ أَقْرَبُ ۚ إِنَّ ٱللَّهَ عَلَىٰ كُلِّ شَىْءٍ قَدِيرٌ ﴿٧٧﴾
وَٱللَّهُ أَخْرَجَكُم مِّنۢ بُطُونِ أُمَّهَٰتِكُمْ لَا تَعْلَمُونَ شَيْـًٔا
وَجَعَلَ لَكُمُ ٱلسَّمْعَ وَٱلْأَبْصَٰرَ وَٱلْأَفْـِٔدَةَ ۙ لَعَلَّكُمْ
تَشْكُرُونَ ﴿٧٨﴾ أَلَمْ يَرَوْا۟ إِلَى ٱلطَّيْرِ مُسَخَّرَٰتٍ فِى جَوِّ ٱلسَّمَآءِ
مَا يُمْسِكُهُنَّ إِلَّا ٱللَّهُ ۚ إِنَّ فِى ذَٰلِكَ لَـَٔايَٰتٍ لِّقَوْمٍ يُؤْمِنُونَ ﴿٧٩﴾

73.- Và họ thờ phụng, ngoài Allah, những kẻ không có một chút quyền hành và cũng không có khả năng cung cấp cho họ một tí lương thực nào từ các tầng trời và dưới đất.

74.- Bởi thế, chớ đưa ra những hình ảnh so sánh với Allah[1]. Quả thật, Allah biết hết (mọi việc) trong lúc các người không biết.

75.- Allah đưa ra thí dụ so sánh (về hai người): một người nô-lệ bị quản thúc, không có một chút quyền hành nào; và một người được *TA* cung cấp bổng lộc tốt mà y chi dùng kín đáo và công khai (vào việc từ thiện). Vậy hai người đó có ngang bằng nhau không? Mọi lời ca tụng đều thuộc về Allah. Không! Đa số bọn họ không biết.

76.- Và Allah đưa ra một thí dụ so sánh (khác) về hai người; một trong hai người thì câm, không có một chút quyền nào và là một gánh nặng cho người chủ. Bất cứ nơi nào người chủ sai đi, y không hề mang về một điều tốt nào. Y có bằng với một người ra lệnh thi hành nền công lý và đi theo con Đường ngay chính hay không?

77.- Và Allah nắm điều vô hình của các tầng trời và trái đất. Và vấn đề của Giờ (Phán xử) sẽ xảy ra chỉ như cái nháy mắt hoặc nhanh hơn nữa. Quả thật, Allah có quyền quyết định trên tất cả mọi việc.

78.- Và Allah đã mang các người ra khỏi bụng mẹ (trong lúc) các người không biết gì cả và Ngài đã ban cho các người cái '*nghe*', và cái '*thấy*' và *'tấm lòng'* để các người có thể tạ ơn (Allah).

79.- Há họ không thấy những con chim bị chế ngự thăng bằng giữa không trung hay sao? Không ai giữ chúng thăng bằng được ngoại trừ Allah. Chắc chắn trong sự việc đó là những Dấu-hiệu cho một đám người có đức tin.

[1] Không có gì tương tự Allah và Allah không giống với cái gì.

وَٱللَّهُ جَعَلَ لَكُمۡ مِّنۢ بُيُوتِكُمۡ سَكَنٗا وَجَعَلَ لَكُم مِّن جُلُودِ
ٱلۡأَنۡعَٰمِ بُيُوتٗا تَسۡتَخِفُّونَهَا يَوۡمَ ظَعۡنِكُمۡ وَيَوۡمَ إِقَامَتِكُمۡ
وَمِنۡ أَصۡوَافِهَا وَأَوۡبَارِهَا وَأَشۡعَارِهَآ أَثَٰثٗا وَمَتَٰعًا إِلَىٰ حِينٖ
٨٠ وَٱللَّهُ جَعَلَ لَكُم مِّمَّا خَلَقَ ظِلَٰلٗا وَجَعَلَ لَكُم مِّنَ
ٱلۡجِبَالِ أَكۡنَٰنٗا وَجَعَلَ لَكُمۡ سَرَٰبِيلَ تَقِيكُمُ
ٱلۡحَرَّ وَسَرَٰبِيلَ تَقِيكُم بَأۡسَكُمۡۚ كَذَٰلِكَ يُتِمُّ نِعۡمَتَهُۥ
عَلَيۡكُمۡ لَعَلَّكُمۡ تُسۡلِمُونَ ٨١ فَإِن تَوَلَّوۡاْ فَإِنَّمَا عَلَيۡكَ
ٱلۡبَلَٰغُ ٱلۡمُبِينُ ٨٢ يَعۡرِفُونَ نِعۡمَتَ ٱللَّهِ ثُمَّ يُنكِرُونَهَا
وَأَكۡثَرُهُمُ ٱلۡكَٰفِرُونَ ٨٣ وَيَوۡمَ نَبۡعَثُ مِن كُلِّ أُمَّةٖ
شَهِيدٗا ثُمَّ لَا يُؤۡذَنُ لِلَّذِينَ كَفَرُواْ وَلَا هُمۡ يُسۡتَعۡتَبُونَ
٨٤ وَإِذَا رَءَا ٱلَّذِينَ ظَلَمُواْ ٱلۡعَذَابَ فَلَا يُخَفَّفُ عَنۡهُمۡ وَلَا هُمۡ
يُنظَرُونَ ٨٥ وَإِذَا رَءَا ٱلَّذِينَ أَشۡرَكُواْ شُرَكَآءَهُمۡ قَالُواْ
رَبَّنَا هَٰٓؤُلَآءِ شُرَكَآؤُنَا ٱلَّذِينَ كُنَّا نَدۡعُواْ مِن دُونِكَۖ
فَأَلۡقَوۡاْ إِلَيۡهِمُ ٱلۡقَوۡلَ إِنَّكُمۡ لَكَٰذِبُونَ ٨٦ وَأَلۡقَوۡاْ إِلَى
ٱللَّهِ يَوۡمَئِذٍ ٱلسَّلَمَۖ وَضَلَّ عَنۡهُم مَّا كَانُواْ يَفۡتَرُونَ ٨٧

80.- Và Allah đã làm nhà cửa cho các người yên nghỉ và đã dùng da thuộc của gia súc làm thành căn lều mà các người cảm thấy nhẹ vào ngày di chuyển cũng như vào ngày dừng chân nghỉ tạm; và từ lông cứng và lông mịn và lông thường của chúng (các người) có được vật trang-trí và vật hưởng-dụng trong một thời gian.

81.- Và Allah đã dùng những vật mà Ngài đã tạo để che mát cho các người và dựng núi làm nơi trú ẩn cho các người và làm ra những chiếc áo choàng để bảo vệ các người khỏi bị nóng và làm những chiếc áo giáp bảo vệ các người trước sức tấn công (của địch). Bằng cách đó Ngài đã hoàn tất Ân huệ của Ngài cho các người để may ra các người thần phục Ngài (trong Islām).

82.- Nhưng nếu họ quay bỏ đi thì nhiệm vụ của Ngươi chỉ là công khai truyền đạt (Thông điệp của Allah).

83.- Họ đều công nhận Ân huệ của Allah, nhưng phủ nhận nó và đa số bọn họ là những kẻ phụ ơn.

84.- Và (hãy nhớ) Ngày mà *TA* sẽ dựng lên từ mỗi cộng đồng một nhân chứng[1]; lúc đó những kẻ không có đức tin sẽ không được phép (cáo-lỗi) và cũng không được phép tạ tội sửa mình.

85.- Và khi những kẻ làm điều sai quấy thấy sự trừng phạt, nó sẽ không được giảm nhẹ cho họ và họ cũng sẽ không được nghỉ xả hơi.

86.- Và khi thấy những 'thần-linh' của họ, những kẻ tôn thờ đa-thần sẽ thưa: "Lạy *Rabb* chúng tôi! Đây là những 'thần linh' mà chúng tôi thường cầu nguyện ngoài Ngài." Nhưng chúng sẽ mắng trả lại, bảo: "Thật sự các người chỉ là những tên nói dối."

87.- Vào Ngày đó họ sẽ công khai thần phục Allah và những kẻ (thần-linh) mà họ đã từng bịa đặt sẽ biến đi mất dạng, bỏ họ ở lại trong lúng túng.

[1] Sứ giả của Allah hay Thiên Sứ làm nhân chứng

ٱلَّذِينَ كَفَرُوا۟ وَصَدُّوا۟ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ زِدْنَٰهُمْ عَذَابًا
فَوْقَ ٱلْعَذَابِ بِمَا كَانُوا۟ يُفْسِدُونَ ﴿٨٨﴾ وَيَوْمَ نَبْعَثُ فِى
كُلِّ أُمَّةٍ شَهِيدًا عَلَيْهِم مِّنْ أَنفُسِهِمْ ۖ وَجِئْنَا بِكَ
شَهِيدًا عَلَىٰ هَٰٓؤُلَآءِ ۚ وَنَزَّلْنَا عَلَيْكَ ٱلْكِتَٰبَ تِبْيَٰنًا لِّكُلِّ
شَىْءٍ وَهُدًى وَرَحْمَةً وَبُشْرَىٰ لِلْمُسْلِمِينَ ﴿٨٩﴾ * إِنَّ ٱللَّهَ
يَأْمُرُ بِٱلْعَدْلِ وَٱلْإِحْسَٰنِ وَإِيتَآئِ ذِى ٱلْقُرْبَىٰ وَيَنْهَىٰ عَنِ
ٱلْفَحْشَآءِ وَٱلْمُنكَرِ وَٱلْبَغْىِ ۚ يَعِظُكُمْ لَعَلَّكُمْ تَذَكَّرُونَ
﴿٩٠﴾ وَأَوْفُوا۟ بِعَهْدِ ٱللَّهِ إِذَا عَٰهَدتُّمْ وَلَا تَنقُضُوا۟ ٱلْأَيْمَٰنَ
بَعْدَ تَوْكِيدِهَا وَقَدْ جَعَلْتُمُ ٱللَّهَ عَلَيْكُمْ كَفِيلًا ۚ إِنَّ
ٱللَّهَ يَعْلَمُ مَا تَفْعَلُونَ ﴿٩١﴾ وَلَا تَكُونُوا۟ كَٱلَّتِى نَقَضَتْ
غَزْلَهَا مِنۢ بَعْدِ قُوَّةٍ أَنكَٰثًا تَتَّخِذُونَ أَيْمَٰنَكُمْ دَخَلًۢا
بَيْنَكُمْ أَن تَكُونَ أُمَّةٌ هِىَ أَرْبَىٰ مِنْ أُمَّةٍ ۚ إِنَّمَا يَبْلُوكُمُ ٱللَّهُ
بِهِۦ ۚ وَلَيُبَيِّنَنَّ لَكُمْ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ مَا كُنتُمْ فِيهِ تَخْتَلِفُونَ
﴿٩٢﴾ وَلَوْ شَآءَ ٱللَّهُ لَجَعَلَكُمْ أُمَّةً وَٰحِدَةً وَلَٰكِن يُضِلُّ مَن
يَشَآءُ وَيَهْدِى مَن يَشَآءُ ۚ وَلَتُسْـَٔلُنَّ عَمَّا كُنتُمْ تَعْمَلُونَ ﴿٩٣﴾

نصف الحزب ٢٨

88.- Những ai không tin tưởng và cản trở người khác xa lánh con đường của Allah thì sẽ bị *TA* gia tăng hình phạt chồng chất vì tội đã từng gieo rắc điều thối nát.

89.- Và (hãy nhớ) Ngày mà *TA* sẽ dựng sống lại từ mỗi cộng đồng một nhân chứng của họ đứng ra đối chất với họ và *TA* sẽ đưa Ngươi (Muhammad) ra làm một nhân chứng đối chất với những người (*Quraish*) này. Và *TA* đã ban cho Ngươi Kinh sách (Qur'ān) trình bày rõ tất cả mọi điều; và là một Chỉ đạo, một Hồng Ân và Tin mừng cho những người Muslim.

90.- Allah truyền lệnh thi hành nền công-lý và làm điều thiện và bố-thí (giúp đỡ) người ruột thịt[1] và cấm làm điều ác đức[2] và điều tội-lỗi[3] và áp bức bất công[4]. Ngài dạy bảo các người để may ra các người lưu ý (đến Phúc và Tội).

91.- Và hãy làm tròn Lời Giao Ước của Allah khi các người đã giao ước và chớ vi phạm lời thề sau khi đã thề xác nhận và chắc chắn các người đã nhận Allah làm một Bảo-chứng của các người. Quả thật, Allah Hằng biết điều các người làm.

92.- Và chớ xử sự như một phụ nữ tháo tung cuộn chỉ của bà sau khi đã được se chặt. Các người dùng lời thề để lừa dối lẫn nhau sợ rằng một cộng đồng này mai hậu sẽ có đông người hơn một cộng đồng kia. Quả thật, Allah chỉ dùng nó để thử thách các người. Và vào Ngày Phục sinh chắc chắn Ngài sẽ cho các người thấy rõ điều mà các người đã từng tranh chấp nhau.

93.- Và nếu muốn, Allah đã làm cho các người thành một cộng đồng duy nhất nhưng Ngài đánh lạc hướng kẻ nào Ngài muốn và hướng dẫn người nào Ngài muốn. Và chắc chắn, các người sẽ bị tra hỏi về những điều các người đã từng làm.

---

[1] Người ruột thịt gồm theo thứ tự: trước hết là cha mẹ, kế tiếp là con cái, rồi anh chị em ruột; chú, bác và cô; cậu dì; và bà con nội ngoại.

[2] *Al-Fāhshā'* gồm các việc gian dâm ngoại tình, bất hiếu với cha mẹ, thờ đa thần, nói dối, làm chứng giả, giết người vô cớ v.v..

[3] *Al-Munkar* gồm các điều bị cấm chỉ theo giáo luật của Islām chẳng hạn như đa thần giáo, vô tín, tất cả các điều xấu xa tội lỗi v.v..

[4] *Al-Baghy* gồm tất cả các hình thức áp bức người khác.

وَلَا تَتَّخِذُوٓا۟ أَيْمَٰنَكُمْ دَخَلًۢا بَيْنَكُمْ فَتَزِلَّ قَدَمٌۢ بَعْدَ
ثُبُوتِهَا وَتَذُوقُوا۟ ٱلسُّوٓءَ بِمَا صَدَدتُّمْ عَن سَبِيلِ ٱللَّهِ وَلَكُمْ
عَذَابٌ عَظِيمٌ ﴿٩٤﴾ وَلَا تَشْتَرُوا۟ بِعَهْدِ ٱللَّهِ ثَمَنًا قَلِيلًا ۚ إِنَّمَا
عِندَ ٱللَّهِ هُوَ خَيْرٌ لَّكُمْ إِن كُنتُمْ تَعْلَمُونَ ﴿٩٥﴾ مَا عِندَكُمْ
يَنفَدُ ۖ وَمَا عِندَ ٱللَّهِ بَاقٍ ۗ وَلَنَجْزِيَنَّ ٱلَّذِينَ صَبَرُوٓا۟ أَجْرَهُم
بِأَحْسَنِ مَا كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿٩٦﴾ مَنْ عَمِلَ صَٰلِحًا
مِّن ذَكَرٍ أَوْ أُنثَىٰ وَهُوَ مُؤْمِنٌ فَلَنُحْيِيَنَّهُۥ حَيَوٰةً طَيِّبَةً ۖ
وَلَنَجْزِيَنَّهُمْ أَجْرَهُم بِأَحْسَنِ مَا كَانُوا۟ يَعْمَلُونَ ﴿٩٧﴾
فَإِذَا قَرَأْتَ ٱلْقُرْءَانَ فَٱسْتَعِذْ بِٱللَّهِ مِنَ ٱلشَّيْطَٰنِ ٱلرَّجِيمِ
﴿٩٨﴾ إِنَّهُۥ لَيْسَ لَهُۥ سُلْطَٰنٌ عَلَى ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَعَلَىٰ رَبِّهِمْ
يَتَوَكَّلُونَ ﴿٩٩﴾ إِنَّمَا سُلْطَٰنُهُۥ عَلَى ٱلَّذِينَ يَتَوَلَّوْنَهُۥ وَٱلَّذِينَ
هُم بِهِۦ مُشْرِكُونَ ﴿١٠٠﴾ وَإِذَا بَدَّلْنَآ ءَايَةً مَّكَانَ ءَايَةٍ
وَٱللَّهُ أَعْلَمُ بِمَا يُنَزِّلُ قَالُوٓا۟ إِنَّمَآ أَنتَ مُفْتَرٍۭ ۚ بَلْ أَكْثَرُهُمْ
لَا يَعْلَمُونَ ﴿١٠١﴾ قُلْ نَزَّلَهُۥ رُوحُ ٱلْقُدُسِ مِن رَّبِّكَ بِٱلْحَقِّ
لِيُثَبِّتَ ٱلَّذِينَ ءَامَنُوا۟ وَهُدًى وَبُشْرَىٰ لِلْمُسْلِمِينَ ﴿١٠٢﴾

94.- Và chớ dùng lời thề của các ngươi làm một phương tiện lừa phỉnh lẫn nhau sợ rằng một bàn chân sẽ bị trượt ngã sau khi đã đứng vững và các ngươi sẽ nếm điều xấu xa do việc các ngươi đã cản trở người khác xa lánh con đường của Allah và các ngươi sẽ nhận một sự trừng-phạt to lớn.

95.- Và chớ bán Lời Giao Ước của Allah với một giá nhỏ nhoi. Quả thật, món vật gì với Allah sẽ tốt cho các ngươi hơn nếu các ngươi biết (giá trị của nó).

96.- Món vật gì với các ngươi sẽ cạn kiệt và món vật gì với Allah sẽ tồn tại vĩnh viễn. Và chắc chắn *TA* sẽ ban thưởng cho những ai kiên nhẫn phần thưởng (của họ) tùy theo việc tốt nhất mà họ đã làm.

97.- Ai làm việc thiện, bất luận nam hay nữ, và là một người có đức tin thì chắc chắn *TA* sẽ cho y sống một đời sống lành mạnh tốt đẹp; và chắc chắn *TA* sẽ ban cho họ phần thưởng của họ tùy theo điều tốt nhất mà họ đã làm.

98.- Vậy khi đọc *Qur'ān*, Ngươi (hỡi Muhammad!) hãy cầu xin Allah che chở tránh xa Shaytān, đáng bị trục xuất.

99.- Quả thật, nó không có quyền đối với những ai có đức tin và phó thác (công việc) cho *Rabb* (Allah) của họ.

100.- Nó chỉ có quyền đối với những ai nhận nó làm kẻ bảo hộ và những ai tổ hợp thần linh cùng với Ngài (Allah).

101.- Và khi *TA* đổi một Câu (của Qur'ān) thay thế một Câu khác, và Allah biết rõ điều Ngài đã ban xuống, thì họ nói Ngươi (Muhammad) chỉ là một kẻ bịa đặt. Không, đa số bọn họ không biết.

102.- Hãy bảo họ *'Rūh-al-Qudus'* (Thiên Thần Jibrīl) mang nó (Câu) xuống từ *Rabb* (Allah) của Ngươi bằng sự Thật để củng cố (đức tin của) những người tin tưởng và làm một Chỉ đạo cũng như Tin mừng cho những người *Muslim* (thần phục Allah)

وَلَقَدْ نَعْلَمُ أَنَّهُمْ يَقُولُونَ إِنَّمَا يُعَلِّمُهُۥ بَشَرٌ ۗ لِّسَانُ
ٱلَّذِى يُلْحِدُونَ إِلَيْهِ أَعْجَمِىٌّ وَهَٰذَا لِسَانٌ عَرَبِىٌّ مُّبِينٌ
﴿١٠٣﴾ إِنَّ ٱلَّذِينَ لَا يُؤْمِنُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ لَا يَهْدِيهِمُ ٱللَّهُ
وَلَهُمْ عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿١٠٤﴾ إِنَّمَا يَفْتَرِى ٱلْكَذِبَ ٱلَّذِينَ
لَا يُؤْمِنُونَ بِـَٔايَٰتِ ٱللَّهِ ۖ وَأُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْكَٰذِبُونَ ﴿١٠٥﴾
مَن كَفَرَ بِٱللَّهِ مِنۢ بَعْدِ إِيمَٰنِهِۦٓ إِلَّا مَنْ أُكْرِهَ وَقَلْبُهُۥ
مُطْمَئِنٌّۢ بِٱلْإِيمَٰنِ وَلَٰكِن مَّن شَرَحَ بِٱلْكُفْرِ
صَدْرًا فَعَلَيْهِمْ غَضَبٌ مِّنَ ٱللَّهِ وَلَهُمْ عَذَابٌ عَظِيمٌ
﴿١٠٦﴾ ذَٰلِكَ بِأَنَّهُمُ ٱسْتَحَبُّوا۟ ٱلْحَيَوٰةَ ٱلدُّنْيَا عَلَى
ٱلْءَاخِرَةِ وَأَنَّ ٱللَّهَ لَا يَهْدِى ٱلْقَوْمَ ٱلْكَٰفِرِينَ
﴿١٠٧﴾ أُو۟لَٰٓئِكَ ٱلَّذِينَ طَبَعَ ٱللَّهُ عَلَىٰ قُلُوبِهِمْ وَسَمْعِهِمْ
وَأَبْصَٰرِهِمْ ۖ وَأُو۟لَٰٓئِكَ هُمُ ٱلْغَٰفِلُونَ ﴿١٠٨﴾ لَا جَرَمَ
أَنَّهُمْ فِى ٱلْءَاخِرَةِ هُمُ ٱلْخَٰسِرُونَ ﴿١٠٩﴾ ثُمَّ إِنَّ رَبَّكَ
لِلَّذِينَ هَاجَرُوا۟ مِنۢ بَعْدِ مَا فُتِنُوا۟ ثُمَّ جَٰهَدُوا۟
وَصَبَرُوٓا۟ إِنَّ رَبَّكَ مِنۢ بَعْدِهَا لَغَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿١١٠﴾

103.- Và chắc chắn *TA* biết rõ chính họ đã nói: "Quả thật có một người phàm đã dạy y (Muhammad)." Rõ ràng ngôn ngữ của kẻ mà họ ám chỉ hoàn toàn khác lạ trong lúc đây là tiếng Ả-rập trong sáng.

104.- Quả thật, những ai không tin tưởng nơi những dấu hiệu của Allah, thì sẽ không được Allah hướng dẫn và sẽ chịu một sự trừng phạt đau đớn.

105.- Chỉ những ai không tin tưởng nơi những dấu hiệu của Allah mới bịa đặt điều nói dối và thực sự là những kẻ nói dối.

106.- Ai phủ nhận Allah sau khi đã tin tưởng - ngoại trừ ai là người bị ép buộc (bỏ đạo) trong lúc tấm lòng của y hãy còn vui sướng với đức tin, - còn kẻ nào vỗ ngực tuyên bố không tin tưởng thì sẽ đón nhận sự Giận dữ của Allah và sẽ chịu một sự trừng phạt rất lớn.

107.- Sở dĩ như thế là vì họ yêu đời sống trần tục này hơn Đời sau. Và quả thật, Allah không hướng dẫn một đám người không tin tưởng.

108.- Họ là những kẻ mà Allah khóa chặt tấm lòng, thính giác và thị giác, cho nên họ là những kẻ khinh suất.

109.- Không một chút nghi ngờ nào, quả thật họ là những kẻ sẽ thua thiệt nhất ở Đời sau.

110.- Rồi đối với những ai di-cư đi tị nạn sau khi đã bị sách nhiễu rồi sau đó chiến đấu anh dũng và kiên nhẫn chịu đựng (mọi thử thách) thì quả thật *Rabb* (Allah) của Ngươi (Muhammad), sau những biến cố đó, sẽ thật sự tha thứ, và khoan dung (cho họ).

* يَوْمَ تَأْتِي كُلُّ نَفْسٍ تُجَٰدِلُ عَن نَّفْسِهَا وَتُوَفَّىٰ كُلُّ
نَفْسٍ مَّا عَمِلَتْ وَهُمْ لَا يُظْلَمُونَ ﴿١١١﴾ وَضَرَبَ ٱللَّهُ مَثَلًا
قَرْيَةً كَانَتْ ءَامِنَةً مُّطْمَئِنَّةً يَأْتِيهَا رِزْقُهَا رَغَدًا مِّن
كُلِّ مَكَانٍ فَكَفَرَتْ بِأَنْعُمِ ٱللَّهِ فَأَذَٰقَهَا ٱللَّهُ لِبَاسَ
ٱلْجُوعِ وَٱلْخَوْفِ بِمَا كَانُوا۟ يَصْنَعُونَ ﴿١١٢﴾ وَلَقَدْ جَآءَهُمْ
رَسُولٌ مِّنْهُمْ فَكَذَّبُوهُ فَأَخَذَهُمُ ٱلْعَذَابُ وَهُمْ ظَٰلِمُونَ
﴿١١٣﴾ فَكُلُوا۟ مِمَّا رَزَقَكُمُ ٱللَّهُ حَلَٰلًا طَيِّبًا وَٱشْكُرُوا۟
نِعْمَتَ ٱللَّهِ إِن كُنتُمْ إِيَّاهُ تَعْبُدُونَ ﴿١١٤﴾ إِنَّمَا حَرَّمَ
عَلَيْكُمُ ٱلْمَيْتَةَ وَٱلدَّمَ وَلَحْمَ ٱلْخِنزِيرِ وَمَآ أُهِلَّ لِغَيْرِ
ٱللَّهِ بِهِۦ ۖ فَمَنِ ٱضْطُرَّ غَيْرَ بَاغٍ وَلَا عَادٍ فَإِنَّ ٱللَّهَ غَفُورٌ
رَّحِيمٌ ﴿١١٥﴾ وَلَا تَقُولُوا۟ لِمَا تَصِفُ أَلْسِنَتُكُمُ ٱلْكَذِبَ
هَٰذَا حَلَٰلٌ وَهَٰذَا حَرَامٌ لِّتَفْتَرُوا۟ عَلَى ٱللَّهِ ٱلْكَذِبَ ۚ إِنَّ
ٱلَّذِينَ يَفْتَرُونَ عَلَى ٱللَّهِ ٱلْكَذِبَ لَا يُفْلِحُونَ ﴿١١٦﴾ مَتَٰعٌ قَلِيلٌ
وَلَهُمْ عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿١١٧﴾ وَعَلَى ٱلَّذِينَ هَادُوا۟ حَرَّمْنَا مَا قَصَصْنَا عَلَيْكَ
مِن قَبْلُ ۖ وَمَا ظَلَمْنَٰهُمْ وَلَٰكِن كَانُوٓا۟ أَنفُسَهُمْ يَظْلِمُونَ ﴿١١٨﴾

111.- (Hãy nhớ) Ngày mà mỗi linh hồn sẽ đến khiếu nại cho bản thân mình và mỗi linh hồn sẽ được trả lại đầy đủ về điều mà nó đã làm và họ sẽ không bị đối xử bất công.

112.- Và Allah đưa ra một thí dụ so sánh: có một thị trấn an ninh và yên bình (Makka), được tiếp liệu lương thực dồi dào từ khắp nơi, nhưng nó phủ nhận những Ân huệ của Allah cho nên Allah bắt nó nếm mùi tân khổ của sự đói khát và sợ sệt do điều (tội lỗi) mà (dân cư của) nó đã từng làm ra.

113.- Và chắc chắn đã có một Sứ giả xuất thân từ họ đến gặp họ (trình bày Thông điệp của Allah) nhưng họ đã cho rằng Người nói dối, cho nên hình phạt đến chụp bắt họ trong lúc họ là những kẻ làm điều sai quấy.

114.- Do đó hãy dùng những thực phẩm khả-thủ và tốt sạch mà Allah đã cung cấp cho các người và hãy biết ơn Allah về những Ân huệ của Ngài nếu duy chỉ Ngài là Đấng mà các người thờ phụng.

115.- Quả thật, Ngài (Allah) chỉ cấm các người (dùng thịt của) xác chết, và máu (huyết) và thịt heo và những món vật (cúng) mà tên khác với Allah đã được nhắc lên nó; nhưng ai vì nhu cầu bắt buộc (mà dùng) chứ không ham muốn cũng không quá độ thì quả thật Allah Hằng Tha Thứ, Rất Mực Khoan Dung (đối với họ).

116.- Và chớ nói về một món vật mà lưỡi của các người có thể nói dối: "món này khả thủ và món này bị nghiêm cấm," bịa đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah. Chắc chắn, những kẻ bịa đặt điều nói dối rồi đổ thừa cho Allah sẽ không bao giờ phát đạt;

117.- (Đó chỉ là) một sự hưởng thụ tạm bợ nhỏ nhoi nhưng rồi họ sẽ chịu một hình phạt đau đớn.

118.- Và đối với những ai là người Do thái, *TA* đã cấm họ (dùng) những món (thực phẩm) mà *TA* đã kể cho Ngươi (Muhammad) trước đây. *TA* đã không làm hại chúng mà chúng tự làm hại bản thân mình.

ثُمَّ إِنَّ رَبَّكَ لِلَّذِينَ عَمِلُوا۟ ٱلسُّوٓءَ بِجَهَٰلَةٍ ثُمَّ تَابُوا۟ مِنۢ بَعْدِ
ذَٰلِكَ وَأَصْلَحُوٓا۟ إِنَّ رَبَّكَ مِنۢ بَعْدِهَا لَغَفُورٌ رَّحِيمٌ ﴿١١٩﴾ إِنَّ
إِبْرَٰهِيمَ كَانَ أُمَّةً قَانِتًا لِّلَّهِ حَنِيفًا وَلَمْ يَكُ مِنَ ٱلْمُشْرِكِينَ
﴿١٢٠﴾ شَاكِرًا لِّأَنْعُمِهِ ۚ ٱجْتَبَىٰهُ وَهَدَىٰهُ إِلَىٰ صِرَٰطٍ مُّسْتَقِيمٍ
﴿١٢١﴾ وَءَاتَيْنَٰهُ فِى ٱلدُّنْيَا حَسَنَةً ۖ وَإِنَّهُۥ فِى ٱلْءَاخِرَةِ لَمِنَ ٱلصَّٰلِحِينَ
﴿١٢٢﴾ ثُمَّ أَوْحَيْنَآ إِلَيْكَ أَنِ ٱتَّبِعْ مِلَّةَ إِبْرَٰهِيمَ حَنِيفًا ۖ وَمَا كَانَ
مِنَ ٱلْمُشْرِكِينَ ﴿١٢٣﴾ إِنَّمَا جُعِلَ ٱلسَّبْتُ عَلَى ٱلَّذِينَ ٱخْتَلَفُوا۟
فِيهِ ۚ وَإِنَّ رَبَّكَ لَيَحْكُمُ بَيْنَهُمْ يَوْمَ ٱلْقِيَٰمَةِ فِيمَا
كَانُوا۟ فِيهِ يَخْتَلِفُونَ ﴿١٢٤﴾ ٱدْعُ إِلَىٰ سَبِيلِ رَبِّكَ بِٱلْحِكْمَةِ
وَٱلْمَوْعِظَةِ ٱلْحَسَنَةِ ۖ وَجَٰدِلْهُم بِٱلَّتِى هِىَ أَحْسَنُ ۚ إِنَّ
رَبَّكَ هُوَ أَعْلَمُ بِمَن ضَلَّ عَن سَبِيلِهِۦ وَهُوَ أَعْلَمُ بِٱلْمُهْتَدِينَ
﴿١٢٥﴾ وَإِنْ عَاقَبْتُمْ فَعَاقِبُوا۟ بِمِثْلِ مَا عُوقِبْتُم بِهِۦ ۖ وَلَئِن
صَبَرْتُمْ لَهُوَ خَيْرٌ لِّلصَّٰبِرِينَ ﴿١٢٦﴾ وَٱصْبِرْ وَمَا صَبْرُكَ
إِلَّا بِٱللَّهِ ۚ وَلَا تَحْزَنْ عَلَيْهِمْ وَلَا تَكُ فِى ضَيْقٍ مِّمَّا يَمْكُرُونَ
﴿١٢٧﴾ إِنَّ ٱللَّهَ مَعَ ٱلَّذِينَ ٱتَّقَوا۟ وَّٱلَّذِينَ هُم مُّحْسِنُونَ ﴿١٢٨﴾

119.- Rồi đối với những ai vì ngu dốt đã làm điều tội lỗi rồi sau đó hối cải và sửa mình thì quả thật *Rabb* (Allah) của Ngươi sau những điều sai phạm đó sẽ tha thứ, và khoan dung (cho họ).

120.- Quả thật, *Ibrāhīm* là một nhà lãnh đạo có nhiều đức tính tốt, hết lòng sùng bái Allah, chỉ tôn thờ Allah, và không là một người tôn thờ đa thần.

121.- Người biết ơn (Allah) về những Ân huệ của Ngài. Ngài đã chọn Người và hướng dẫn Người theo Chính đạo.

122.- Và *TA* đã ban cho Người điều tốt ở đời này. Và ở Đời sau, quả thật, Người sẽ nằm trong thành phần của người lương-thiện (đạo-đức).

123.- Rồi *TA* đã mặc khải cho Ngươi (Muhammad) (phán): "Hãy theo tín ngưỡng của Ibrāhīm, chỉ tôn thờ Allah và không là một người thờ đa thần.

124.- (Vấn đề) '*Sabbath*' (Ngày Thứ Bảy) chỉ được truyền xuống cho những ai đã bất đồng ý-kiến về nó. Nhưng *Rabb* (Allah) của Ngươi xét xử họ (người Do thái) vào Ngày Phục sinh về những điều mà họ đã từng tranh chấp nhau.

125.- Hãy gọi mời (tất cả) đến với con đường của *Rabb* của Ngươi (hỡi Muhammad!) một cách khôn ngoan và với lời khuyến khích tốt đẹp; và hãy tranh luận với họ bằng phương cách tốt đẹp nhất. Quả thật, *Rabb* của Ngươi biết rõ ai là kẻ đi lạc khỏi con đường của Ngài; và ai là người được hướng dẫn.

126.- Và nếu các ngươi trả miếng thì hãy trả đủa ngang bằng với miếng mà các ngươi đã bị đòn nhưng nếu các ngươi kiên nhẫn chịu đựng thì chắc chắn đó là điều tốt nhất cho những ai kiên nhẫn.

127.- Và hãy kiên nhẫn chịu đựng bởi vì Ngươi kiên nhẫn (hỡi Muhammad!) chỉ vì Allah mà thôi. Và chớ buồn rầu cho họ cũng chớ se lòng về những điều chúng đang âm mưu.

128.- Quả thật, Allah ở cùng với những ai sợ Ngài và với những ai là người làm tốt.